

Số: **4227**/QĐ-HVN

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc nâng bậc lương, tính hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009; Nghị định số 14/2012/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2012; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 và Nghị định số 117/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 5906/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quy chế nâng bậc lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được ban hành kèm theo Quyết định số 1814 /QĐ-BNNMT ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đã được sửa đổi, bổ sung tại và Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Trưởng ban Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nâng bậc lương, tính hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với các viên chức và người lao động của Học viện có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng ban Tổ chức cán bộ, Trưởng ban Tài chính và Kế toán, Trưởng các đơn vị liên quan và viên chức, người lao động có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ NN và MT (để b/c);
- Lưu VT, TCCB.


GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Lan



**DANH SÁCH VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG
ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG, PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG**

(Kèm theo Quyết định số 4227/QĐ-HVN ngày 24 tháng 8 năm 2026 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc					Kết quả nâng bậc lương						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú	
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu					Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau
I Viên chức và người lao động được nâng bậc lương thường xuyên																					
1	Vũ Thị	Yến		1996	Đại học	V.05.01.03	1	2.34			01/09/2023	V.05.01.03	2	2.67			01/09/2026	1	0.330	834,900	
2	Phạm Thị Thu	Hà		1993	Thạc sĩ	V.05.02.07	3	3.00			01/09/2023	V.05.02.07	4	3.33			01/09/2026	1	0.330	834,900	
3	Trịnh Quang	Huy	1975		Tiến sĩ	V.07.01.02	4	5.42			01/09/2023	V.07.01.02	5	5.76			01/09/2026	1	0.340	860,201	
4	Hoàng Xuân	Anh	1974		Thạc sĩ	V.07.01.02	5	5.76			01/09/2023	V.07.01.02	6	6.10			01/09/2026	1	0.340	860,201	
5	Nguyễn Đắc	Dũng	1976		Tiến sĩ	V.07.01.02	3	5.08			01/09/2023	V.07.01.02	4	5.42			01/09/2026	1	0.340	860,202	
6	Trần Thị Thu	Hằng		1978	Tiến sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/09/2022	V.07.01.02	2	4.74			01/09/2026	1	0.340	860,203	Kéo dài 12 tháng
7	Trịnh Thị Thu	Thùy		1983	Thạc sĩ	V.07.01.03	6	3.99			01/03/2023	V.07.01.03	7	4.32			01/09/2026	1	0.330	834,904	Kéo dài 06 tháng
8	Vũ Văn	Tuấn	1973		Tiến sĩ	V.07.01.02	3	5.08			01/09/2023	V.07.01.02	4	5.42			01/09/2026	1	0.340	860,205	
9	Hoàng Thị Thu	Hiền		1972	Thạc sĩ	01.003	4	3.33			01/09/2023	01.003	5	3.66			01/09/2026	1	0.330	834,905	
10	Nguyễn Quang	Tinh	1968			01.011	8	2.76			01/09/2024	01.011	9	2.94			01/09/2026	1	0.180	455,403	
11	Nguyễn Việt	Dũng	1975		Đại học	V.05.02.07	8	4.65			01/09/2023	V.05.02.07	9	4.98			01/09/2026	1	0.330	834,906	
12	Nguyễn Công	Ước	1974		Tiến sĩ	V.07.01.02	2	4.74			01/09/2023	V.07.01.02	3	5.08			01/09/2026	1	0.340	860,207	
13	Nguyễn Thế	Hãnh	1987		Thạc sĩ	V.07.01.02	1	4.40			15/06/2023	V.07.01.02	2	4.74			15/09/2026	1	0.340	860,207	Kéo dài 03 tháng
14	Nguyễn Văn	Dũng	1967		Tiến sĩ	V.05.01.01	5	7.64			18/09/2023	V.05.01.01	6	8.00			18/09/2026	1	0.360	910,809	
15	Lê Thị	Tinh		1976	Thạc sĩ	V.05.01.03	8	4.65			01/09/2023	V.05.01.03	9	4.98			01/09/2026	1	0.330	834,907	
16	Trần Hải	Anh		1994	Tiến sĩ	V.05.01.03	2	2.67			01/09/2023	V.05.01.03	3	3.00			01/09/2026	1	0.330	834,908	

STT	Họ đệm Tên		Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc					Kết quả nâng bậc lương						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú	
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu					Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau
II Viên chức và người lao động được tính hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung																					
17	Trần Thanh	Hải	1971		Thạc sĩ	V.07.01.03	9	4.98	7%		01/09/2025	V.07.01.03	9	4.98	8%		01/09/2026	1	0.050	125,994	
18	Lê Thị Kim	Thanh		1974	Thạc sĩ	V.07.01.03	9	4.98			01/09/2023	V.07.01.03	9	4.98	5%		01/09/2026	1	0.249	629,971	
19	Trương Thị Thu	Hạnh		1975	Thạc sĩ	V.07.01.03	9	4.98			01/09/2023	V.07.01.03	9	4.98	5%		01/09/2026	1	0.249	629,972	
20	Nguyễn Thị	Ngân		1974	Thạc sĩ	V.07.01.03	9	4.98			01/09/2023	V.07.01.03	9	4.98	5%		01/09/2026	1	0.249	629,972	
21	Nguyễn Thị	Phương		1976	Thạc sĩ	V.07.01.03	9	4.98	5%		01/09/2025	V.07.01.03	9	4.98	6%		01/09/2026	1	0.050	125,994	
22	Bùi Thị	Thu		1976	Thạc sĩ	V.07.01.03	9	4.98	5%		01/09/2025	V.07.01.03	9	4.98	6%		01/09/2026	1	0.050	125,995	
23	Nguyễn Duy	Linh	1976		Tiến sĩ	V.07.01.03	9	4.98			01/09/2023	V.07.01.03	9	4.98	5%		01/09/2026	1	0.249	629,973	
24	Vũ Thị	Dân		1969	Thạc sĩ	01.003	9	4.98	8%		01/09/2025	01.003	9	4.98	9%		01/09/2026	1	0.050	125,995	
25	Đặng Bá	Chính	1966		Đại học	V.05.02.07	9	4.98	7%		01/09/2025	V.05.02.07	9	4.98	8%		01/09/2026	1	0.050	125,995	
26	Vũ Chung	Kiên	1987		Thạc sĩ	01.009	12	2.98			01/09/2024	01.009	12	2.98	5%		01/09/2026	1	0.149	376,973	
27	Lê Thị Mỹ	Hà		1972	Tiến sĩ	V.05.02.07	9	4.98			01/09/2023	V.05.02.07	9	4.98	5%		01/09/2026	1	0.249	629,975	
28	Phạm Thị Tuyết	Nhung		1977	Thạc sĩ	01.003	9	4.98	5%		01/09/2025	01.003	9	4.98	6%		01/09/2026	1	0.050	125,995	

Trong danh sách này có: 28 người

- Nâng bậc lương thường xuyên: 16 người

- Tính hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung: 12 người

